

Số: 1434/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển
nông thôn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1017/TTr-SNV ngày 19/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính,



Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ: (05 bản);
- LĐVP; Phòng NC, KT, TH;
- Lưu: VT.(T10)



Nguyễn Văn Trâm

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I VỊ TRÍ PHÁP LÝ

Điều 1. Tên gọi Ban Quản lý dự án

1. Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước.
2. Tên giao dịch: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.
3. Tên tiếng Anh: Binh Phuoc Agriculture and Rural Development works construction PMU.
4. Trụ sở làm việc: Đặt tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước được thành lập theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước.
6. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước.
7. Nơi đăng ký hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước: Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Ban Quản lý dự án) là đơn vị sự nghiệp đặc thù trực thuộc UBND tỉnh Bình Phước, áp dụng cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Ban Quản lý dự án có tư cách pháp nhân, có trụ sở và con dấu riêng, được mở tài khoản riêng tại kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật



Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Chức năng

Ban Quản lý dự án thực hiện các chức năng Chủ đầu tư và quản lý dự án, cụ thể:

1. Làm chủ đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được giao. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, UBND tỉnh (người quyết định đầu tư) xem xét, quyết định giao cho Ban Quản lý dự án thực hiện chức năng Chủ đầu tư đối với từng dự án cụ thể.

2. Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án quy định tại Điều 68, Điều 69 Luật Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện các chức năng khác khi được người quyết định thành lập Ban Quản lý dự án giao và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

5. Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng hoặc trực tiếp quản lý, khai thác sử dụng công trình hoàn thành theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

6. Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư gồm:

a) Lập kế hoạch dự án: Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện.

b) Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng: Thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác theo quy định của pháp luật.

c) Các nhiệm vụ thực hiện dự án: Thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

d) Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình.

đ) Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban Quản lý dự án theo quy định.

e) Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự Ban Quản lý dự án; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban Quản lý dự án theo yêu cầu của người quyết định đầu tư và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án gồm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng năm 2014;

b) Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

3. Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các Chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình.

4. Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Ban Quản lý dự án:

a) Ban Quản lý dự án có Giám đốc và không quá hai (02) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

b) Giám đốc là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về mọi hoạt động của đơn vị. Phó

Giám đốc là người giúp Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một (01) Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của đơn vị.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành.

2. Các phòng, ban chức năng, nghiệp vụ, gồm:

a) Văn phòng Ban Quản lý dự án.

b) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

c) Phòng Kỹ thuật - Thẩm định.

d) Phòng Tài chính - Kế toán.

đ) Phòng (ban) Điều hành dự án (Do Giám đốc Ban Quản lý dự án xem xét, quyết định thành lập theo quy định của pháp luật). Phòng (ban) Điều hành dự án có một (01) Giám đốc Quản lý dự án do Giám đốc Ban Quản lý dự án bổ nhiệm, miễn nhiệm để trực tiếp điều hành quản lý thực hiện dự án được giao. Giám đốc Quản lý dự án phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Văn phòng Ban Quản lý dự án có Chánh Văn phòng và một (01) Phó Chánh Văn phòng; mỗi phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng và một (01) Phó Trưởng phòng. Chức vụ Chánh Văn phòng, Trưởng phòng do Giám đốc Ban Quản lý dự án bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm sau khi có văn bản thỏa thuận của Giám đốc Sở Nội vụ. Chức vụ Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng do Giám đốc Ban Quản lý dự án bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Biên chế Ban Quản lý dự án:

a) Biên chế của Ban Quản lý dự án thuộc biên chế sự nghiệp, số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án được giao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm xây dựng, sửa đổi bổ sung Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở xác định số lượng người làm việc phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng lao động của Ban Quản lý dự án được căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức Ban Quản lý dự án, quỹ tiền lương được giao và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của các thành viên Ban Quản lý dự án

1. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án:

a) Giám đốc Ban Quản lý dự án là người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý dự án; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án và là chủ tài khoản của đơn vị.

b) Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định khác về hoạt động của Ban Quản lý dự án.

c) Phân công nhiệm vụ của các Phó Giám đốc và thành viên Ban Quản lý dự án; tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng (ban), nhân viên thuộc Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành.

d) Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất (nếu có) của Ban Quản lý dự án; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các phòng (ban) và của các thành viên Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

đ) Ký các văn bản, hợp đồng xây dựng với các nhà thầu được lựa chọn, hợp đồng lao động đối với viên chức và người lao động Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và trách nhiệm của các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được Giám đốc Ban Quản lý dự án phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án và người quyết định thành lập Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

3. Quyền và trách nhiệm của viên chức Ban Quản lý dự án:

a) Được bảo đảm về điều kiện làm việc, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

b) Có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt pháp luật, chính sách hiện hành và Quy chế làm việc của đơn vị; có quyền từ chối thực hiện công việc được giao khi xét thấy công việc đó ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của đơn vị, nhưng phải được sự chấp thuận của Trưởng phòng (ban) phụ trách.

c) Có quyền đề xuất đóng góp ý kiến, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và xây dựng đơn vị.



d) Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng (ban) và lãnh đạo Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

đ) Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản của đơn vị.

Chương IV **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 7. Nguyên tắc làm việc của Ban Quản lý dự án

1. Đối với Ban Giám đốc:

a) Ban Quản lý dự án làm việc theo chế độ thủ trưởng, Giám đốc Ban Quản lý dự án là người lãnh đạo cao nhất của đơn vị và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án.

b) Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể về hoạt động của đơn vị. Giám đốc có thể xem xét công việc thuộc các lĩnh vực đã phân công cho các Phó Giám đốc và quyết định của Giám đốc là quyết định cuối cùng.

c) Giám đốc phân công hoặc ủy quyền cho một Phó Giám đốc thay mặt Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị khi Giám đốc vắng mặt.

d) Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc điều hành hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, Phó Giám đốc được phân công phụ trách lĩnh vực nào thì ký duyệt văn bản thuộc lĩnh vực đó. Đối với những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình thì Phó Giám đốc phải báo cáo xin ý kiến quyết định của Giám đốc trước khi chỉ đạo thực hiện; Nếu Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực đi vắng mà công việc cần giải quyết ngay thì Giám đốc trực tiếp giải quyết hoặc giao cho Phó Giám đốc có mặt ở cơ quan giải quyết và thông báo lại.

đ) Khi giải quyết công việc liên quan đến lĩnh vực Phó Giám đốc khác thì Phó Giám đốc phụ trách chủ động bàn bạc với Phó Giám đốc có liên quan trước khi quyết định. Trường hợp không nhất trí, Phó Giám đốc phụ trách báo cáo cho Giám đốc để ra quyết định, không để công việc chậm trễ, ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

2. Đối với các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ:

Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất giúp lãnh đạo Ban Quản lý dự án giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng (ban) được phân công và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện.

3. Đối với viên chức, người lao động của Ban Quản lý dự án:

a) Xây dựng kế hoạch công tác và triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác được giao; chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc, các Trưởng, Phó phòng (ban) về phần công việc được giao.

b) Thực hiện đầy đủ và đảm bảo yêu cầu về chất lượng, khối lượng, tiến độ công việc và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo phòng (ban) về thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) Tham gia đóng góp, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động góp phần đẩy mạnh hoạt động của đơn vị; Có trách nhiệm bảo vệ tài sản chung của đơn vị.

d) Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về viên chức, người lao động và các quy định tại Quy chế của Ban Quản lý dự án.

Điều 8. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chế độ hội họp với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các nhà thầu, giao ban nội bộ Ban Quản lý dự án:

a) Chế độ hội họp với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh:

Thực hiện định kỳ theo quy định chung của UBND tỉnh và họp đột xuất (nếu có) để xin ý kiến giải quyết những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến nhiều sở, ngành, UBND các huyện, thị xã.

b) Chế độ hội họp với các nhà thầu:

Được tổ chức thường xuyên trong quá trình thực hiện dự án như: Ký kết hợp đồng, tiến độ, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành..., họp giải quyết các vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giai đoạn thực hiện đầu tư, giai đoạn kết thúc đầu tư và các cuộc họp cần thiết khác theo yêu cầu thực tế.

c) Chế độ hội họp, giao ban nội bộ Ban Quản lý dự án:

- Định kỳ hàng tuần, tháng, quý hoặc đột xuất sẽ tổ chức họp giao ban do Giám đốc chủ trì. Trường hợp Giám đốc vắng mặt thì do Phó Giám đốc được ủy quyền chủ trì để triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra.

- Giám đốc tổ chức và chủ trì các cuộc họp sơ kết, tổng kết của cơ quan. Nội dung, thành phần và thời gian hội nghị do Giám đốc quyết định.

- Phó Giám đốc triệu tập, chủ trì các cuộc họp, hội nghị thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách với các trưởng, phó phòng (ban) theo kế hoạch được Giám đốc đồng ý và sau đó báo cáo kết quả cuộc họp, hội nghị với Giám đốc.

- Văn phòng Ban Quản lý dự án có trách nhiệm thông báo triệu tập cuộc họp, hội nghị đúng thời gian, địa điểm, thành phần theo yêu cầu và chuẩn bị phòng họp, tổ chức ghi biên bản cuộc họp, hội nghị và thông báo kết luận của Giám đốc, Phó Giám đốc đến các phòng (ban) và các bên liên quan biết, thực hiện.

2. Chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ của Ban Quản lý dự án, các phòng (ban):

a) Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ phải thực hiện đúng chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ với lãnh đạo Ban Quản lý dự án theo quy định; đồng thời tham mưu lãnh đạo Ban Quản lý dự án báo cáo UBND tỉnh, các sở, ngành khi có yêu cầu hoặc theo quy định.

b) Các phó Giám đốc, trưởng, phó các phòng (ban) và viên chức, người lao động được Giám đốc phân công thay Giám đốc dự họp có trách nhiệm báo cáo kết quả làm việc với Giám đốc.

Điều 9. Chế độ kiểm tra giám sát

1. Chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý

Tổ chức, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên toàn bộ các hoạt động đầu tư xây dựng đối với các dự án được giao gồm: Lập dự án; khảo sát xây dựng; thiết kế xây dựng; thi công xây dựng; giám sát thi công xây dựng; quản lý dự án; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nội bộ Ban Quản lý dự án

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nội quy, Quy chế làm việc cơ quan; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Nghị quyết Hội nghị công nhân viên chức và người lao động; tác nghiệp thực hiện quản lý, điều hành; chế độ quản lý tài sản; hoạt động chi tiêu tài chính của cơ quan; quy trình thực hiện quản lý đầu tư xây dựng; các nhiệm vụ chính trị được giao; việc thực hiện các quy định của pháp luật và các nội dung khác theo hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan Đảng và Chính quyền cấp trên.

Điều 10. Chế độ phối hợp công tác

1. Giữa các phòng, ban của Ban Quản lý dự án:

Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Khi giải quyết công việc liên quan đến các phòng, ban khác thì phòng chủ trì phải chủ động phối hợp, các phòng liên quan có trách nhiệm phối hợp, trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Ban Giám đốc xem xét, giải quyết theo Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án.

2. Giữa Ban Quản lý dự án với các cơ quan, đơn vị chức năng của người quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, người quyết định đầu tư:

Ban Quản lý dự án chủ động phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với các sở, ban, ngành và đoàn thể, với Chủ đầu tư dự án để giải quyết công việc kịp thời, chịu trách nhiệm trước người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư về công tác quản lý dự án và các nội dung khác liên quan đến hợp đồng đối với các dự án do Ban Quản lý dự án làm Chủ đầu tư.

3. Giữa Ban Quản lý dự án với các tổ chức, cá nhân có liên quan:

Ban Quản lý dự án phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp (UBND huyện, thị xã; UBND xã, phường, thị trấn), các nhà thầu, đơn vị tư vấn để giải quyết các công việc liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ, chất lượng thực hiện dự án.

Chương V **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

Điều 11. Chế độ tài chính

1. Ban Quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, tự đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và Công văn số 2363/BTC-HCSN ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017.

2. Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định pháp luật.

3. Có tổ chức bộ máy kế toán Ban Quản lý dự án theo quy định của Luật Kế toán, có trách nhiệm quản lý sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm lập dự toán thu, chi và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Các nguồn tài chính của Ban Quản lý dự án

1. Vốn đầu tư phát triển của các dự án được giao hoặc được ủy thác quản lý thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có).

3. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ trong trường hợp cần thiết (nếu có).

4. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án gồm:

a) Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án, chi phí giám sát đánh giá đầu tư của chủ đầu tư, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng trong tổng mức đầu tư của các dự án được giao quản lý và thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Các khoản thu này tính vào chi phí đầu tư của các dự án tương ứng. Mức thu theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

Trường hợp Ban Quản lý dự án ký kết hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Chủ đầu tư khác thì tùy thuộc vào phần công việc được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án giữa các bên quy định trong hợp đồng để quyết định mức chi phí quản lý dự án được sử dụng.

b) Các khoản thu từ hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng cho các chủ đầu tư khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư với các dự án được giao quản lý. Mức thu theo hợp đồng ký kết, không trái với quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu từ hoạt động giám sát thi công xây dựng và thiết bị.

d) Các khoản phí, lệ phí được trích từ việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án như: Tổ chức đấu thầu, tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng và các nguồn hợp pháp khác. Mức phí, lệ phí được trích lại cho hoạt động của Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

e) Các khoản thu khác: Thu tiền bán hồ sơ mời thầu và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có). Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư các dự án được giao quản lý. Mức thu cụ thể không trái với quy định của pháp luật.

Điều 13. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên gồm: Tiền lương; tiền công trả cho lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; chi tiền thưởng (thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất nếu có); các khoản đóng góp theo lương; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí thuê mướn; chi đoàn ra, đoàn vào; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa tài sản; các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác theo chế độ quy định.

2. Chi không thường xuyên gồm: đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách và pháp luật hiện hành đối với nguồn kinh phí quy định tại Khoản 2 Điều 12 và Điểm d Khoản 4 Điều 12 Quy chế này (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc thiết bị phục vụ công tác thu phí và các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

Điều 14. Sử dụng kết quả tài chính trong năm

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), Ban Quản lý dự án sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động: 10%.

2. Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

3. Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (mức trích do Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị).

4. Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. Mức trích đối với 2 Quỹ này do Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

5. Sử dụng các Quỹ của Ban Quản lý dự án:

a) Quỹ phát triển hoạt động sử dụng để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ, người lao động.

b) Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để chi trong các trường hợp: Tạm ứng cho các khoản chi thường xuyên khi đầu năm chưa có kế hoạch vốn được giao, chưa có nguồn thu hoặc chưa phê duyệt dự toán. Khi có kế hoạch vốn được giao, dự toán được phê duyệt hoặc có nguồn thu thì thực hiện việc hoàn trả về Quỹ dự phòng ổn định thu nhập; bảo đảm thu nhập cho người lao động.

c) Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

d) Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong Ban Quản lý dự án; trợ cấp khó khăn đột xuất. Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định việc sử dụng quỹ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 15. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Ban Quản lý dự án được trang bị tài sản để phục vụ công tác quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Tài sản của Ban Quản lý dự án phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Ban Quản lý dự án vào mục đích cá nhân.

2. Công tác quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị được Ban Quản lý dự án thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và quy định của pháp luật.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Mối quan hệ công tác đối với Chủ tịch UBND tỉnh (người quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, người quyết định đầu tư)

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, người quyết định đầu tư về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Quản lý dự án (kể cả việc điều chỉnh, bổ sung).

3. Trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các dự án được giao quản lý; đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng của UBND tỉnh, người quyết định đầu tư trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án.

Điều 17. Mọi quan hệ công tác đối với Chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, Chủ quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với các Chủ đầu tư khác theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án và theo quy định pháp luật có liên quan; chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện các dự án nhận ủy thác quản lý dự án.

2. Tiếp nhận, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng và tạm ứng, thanh toán, quyết toán với nhà thầu theo ủy quyền của Chủ đầu tư.

3. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án của Chủ đầu tư theo ủy quyền và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Phối hợp với chủ quản lý sử dụng công trình khi lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu và nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng hoàn thành vào vận hành, sử dụng (kể cả việc thực hiện bảo hành công trình theo quy định).

5. Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho Chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật; quản lý công trình xây dựng hoàn thành trong thời gian chưa xác định được đơn vị quản lý sử dụng công trình theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

Điều 18. Mọi quan hệ công tác đối với nhà thầu

1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án do mình làm Chủ đầu tư hoặc được ủy thác quản lý thực hiện; đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu xây dựng được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với nhà thầu xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, vướng mắc của nhà thầu trong quá trình thực hiện.

Điều 19. Mọi quan hệ công tác đối với cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp

1. Thực hiện (hoặc theo ủy quyền) các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị dự án, chuẩn bị xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND các cấp (UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn) trong việc thực hiện công tác bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi dự án có yêu cầu về thu hồi đất để xây dựng.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương (UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn) trong công tác quản lý hành chính, bảo đảm an

ninh, trật tự, an toàn của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án và bàn giao công trình vào khai thác, sử dụng.

5. Báo cáo, giải trình về tình hình thực hiện quản lý dự án khi được yêu cầu về sự cố công trình, an toàn trong xây dựng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

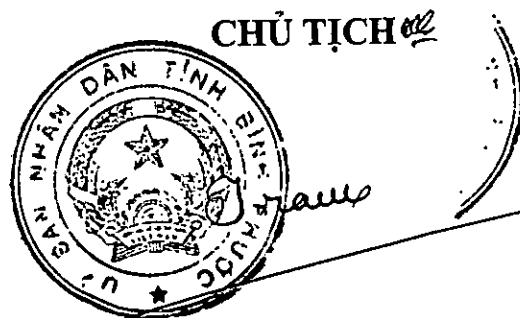
Chương VII **HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 20. Các thành viên của Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo Quy chế này.

Điều 21.

1. Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành và Quy chế này, Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm ban hành Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

2. Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy chế này đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động của Ban Quản lý dự án. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Giám đốc Ban Quản lý dự án chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



Trầm

Nguyễn Văn Trầm